

UBND XÃ VIỆT AN
HỘI ĐỒNG BTHT&ĐTC
THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH CỤM
CÔNG NGHIỆP VIỆT AN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt An, ngày 01 tháng 7 năm 2026

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: Cụm công nghiệp Việt An
Địa điểm: thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

I. CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, mồ mả, thành phần công việc làm căn cứ bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định chi tiết về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của UBND xã Việt An về thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để



đầu tư xây dựng công trình: Cụm công nghiệp Việt An tại thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện Hiệp Đức (cũ): Số 46/NQ-HĐND ngày 20/4/2022 về Quyết định chủ trương đầu tư 04 dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022; số 129/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 về Kết quả kỳ họp lần thứ 20, Hội đồng nhân dân huyện khóa VIII, nhiệm kỳ 2021- 2026;

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện Hiệp Đức (cũ): Số 138/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cụm công nghiệp Việt An, huyện Hiệp Đức; số 1879/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cụm công nghiệp Việt An, huyện Hiệp Đức;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 của UBND xã Việt An về việc phê duyệt điều chỉnh (lần 2) dự án đầu tư xây dựng công trình Cụm công nghiệp Việt An, huyện Hiệp Đức.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Cụm công nghiệp Việt An lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng công trình Cụm công nghiệp Việt An, với các nội dung sau:

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

1. Tổng diện tích đất ảnh hưởng: 13.303,40 m².

- Trong đó:

+ Đất rừng sản xuất: 13.303,40m²

2. Tổng số người ảnh hưởng: 12 hộ gia đình, cá nhân;

3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp:	1.487.081.000	đồng
-	Bồi thường về đất	172.944.000	đồng
-	Bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc	0	đồng
-	Bồi thường về cây trồng	73.694.000	đồng
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm việc làm	864.723.000	đồng
-	Hỗ trợ ổn định đời sống:	91.560.000	đồng
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	284.160.000	đồng
b	Thưởng bàn giao mặt bằng trong thời hạn quy định	8.649.000	đồng
	* TỔNG CỘNG:	1.495.730.000	đồng

(Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng)

- Nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Ngân sách Nhà nước.

4. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Trong năm 2026.

5. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Gồm 12 hộ gia đình, cá nhân (Có Phương án chi tiết

bồi thường, hỗ trợ kèm theo).

6. Chủ đầu tư dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Việt An.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở phương án BT, HT, TĐC được cấp thẩm quyền phê duyệt, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Cụm công nghiệp Việt An gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kính đề UBND xã Việt An, Phòng Kinh tế xã xem xét thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo đúng quy trình quy định./.





BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng

Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	HỌ VÀ TÊN	KINH PHÍ BỒI THƯỜNG			KINH PHÍ HỖ TRỢ			KINH PHÍ BT, HT (7)=(1)+(2)+(3))+(4)+(5)+ (6)	KINH PHÍ THƯỜNG BÀN GIAO MẶT BẢNG (8)	TỔNG KINH PHÍ BT, HT (Làm tròn) (9)=(7)+(8)	Diện tích thu hồi (m2)	GHI CHÚ
		Đất đai (1)	Nhà ở, VKT, mô mã (2)	Cây trồng (3)	Hỗ trợ Đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm việc làm (4)	Hỗ trợ ổn định đời sống (5)	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (6)					
1	Hộ ông Lê Văn Một	6.654.700		8.505.000	33.274.000	6.480.000	26.640.000	81.553.700	333.000	81.887.000	511,90	
2	Hộ ông Trần Thơ (chết) người đại diện là bà Nguyễn Thị Lý	3.275.000			16.374.000	10.800.000	26.640.000	57.089.000	164.000	57.253.000	251,90	
3	Hộ ông Phan Thanh Cúc	2.493.000			12.467.000	10.920.000	13.320.000	39.200.000	125.000	39.325.000	191,80	
4	Hộ bà Lê Thị Liễu	2.969.000			14.846.000	8.640.000	26.640.000	53.095.000	148.000	53.243.000	228,40	
5	Hộ ông Nguyễn Chùng	15.607.000			78.033.000	5.760.000	13.320.000	112.720.000	780.000	113.500.000	1.200,50	
6	Hộ ông Trần Nuôi (chết) người đại diện là bà Trần Thị Lâm Phương	1.747.000			8.736.000	2.160.000	19.980.000	32.623.000	87.000	32.710.000	134,40	
7	Hộ ông Phan Bông (chết) người đại diện là bà Hồ Thị Chín	4.815.000			24.076.000	6.480.000	19.980.000	55.351.000	241.000	55.592.000	370,40	
8	Hộ ông Lê Mạnh Thọ	36.553.000		65.189.000	182.767.000	12.960.000	33.300.000	330.769.000	1.828.000	332.597.000	2.811,80	
9	Hộ ông Lê Văn Chương	2.811.000			14.053.000	10.800.000	19.980.000	47.644.000	141.000	47.785.000	216,20	
10	Hộ ông Phan Hữu Hưng	60.551.000			302.757.000	6.480.000	33.300.000	403.088.000	3.028.000	406.116.000	4.657,80	
11	Hộ ông Nguyễn Văn Long	9.116.000			45.578.000	1.440.000	17.760.000	73.894.000	456.000	74.350.000	701,20	
12	Hộ bà Nguyễn Thị Tàu	26.352.000			131.762.000	8.640.000	33.300.000	200.054.000	1.318.000	201.372.000	2.027,10	
Tổng cộng		172.944.000	0	73.694.000	864.723.000	91.560.000	284.160.000	1.487.081.000	8.649.000	1.495.730.000		



1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp:

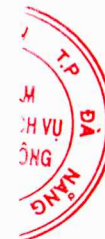
- Bồi thường về đất:
- Bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc:
- Bồi thường về cây trồng:
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm việc làm:
- Hỗ trợ ổn định đời sống:
- Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh:

2. Thuởng bàn giao mặt bằng trong thời hạn quy định:

TỔNG CỘNG KINH PHÍ:

(Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng)

1.487.081.000	đồng
172.944.000	đồng
0	đồng
73.694.000	đồng
864.723.000	đồng
91.560.000	đồng
284.160.000	đồng
8.649.000	đồng
1.495.730.000	đồng





BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kiểm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

1/ Hộ ông Lê Văn Mát

Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng

Số định danh cá nhân:

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ ĐD	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								6.655.000	
1	Đất rừng sản xuất	4/247-2022	511,9	1	1	13.000		6.654.700	
II	CÂY TRỒNG	Số lượng theo thực tế	Số lượng cây được bồi thường	Đơn vị tính (m2, cây, con, kg...)		Đơn giá (đ/m2, cây, con, kg...)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								8.505.000	
1	Thửa 04/247-2022							3.578.000	
1	Cau mới trồng	30	30	cây		40.000		1.200.000	
2	Vụ sữa có quả, đk cây từ 7cm - < 10cm	2	2	cây		310.600		621.200	
3	Sầu đông đk cây từ 5cm - < 15cm	2	2	cây		34.200		68.400	
4	Cây lấy củi, đk cây từ 5cm - 15cm	4	4	cây		17.600		70.400	
5	Trâm có đk cây từ 5cm - < 15cm	1	1	cây		34.200		34.200	
6	Keo có đk từ 1cm - < 5cm	493	17	cây		20.700		351.900	
7	Ôi chưa quả, đk cây từ 2cm - ≤ 5cm	1	1	cây		103.500		103.500	
8	Keo có đk từ 5cm - < 15cm	33	33	cây		34.200		1.128.600	
2	Thửa 04/247-2022							4.927.000	
1	Keo có đk từ 1cm - < 5cm	476	476	cây		10.350		4.926.600	
III	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYÊN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								33.274.000	
1	Đất rừng sản xuất	511,90	511,90	5		13.000		33.273.500	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	3	6	44,95		360.000	Không	6.480.000	
V	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Mức lương tối thiểu theo ND 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
1	Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 09 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m² mức hỗ trợ 60%, từ 500m² đến 2.000m² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m² mức hỗ trợ 100%	511,90	9	44,95		3.700.000	80%	26.640.000	
VI	THƯỜNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền						333.000	Ghi chú
		Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15						332.750	
1	Đối với thửa đất không có nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất								
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)								81.887.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, TĐC Ở TRÊN



BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

2/ Hộ ông Trần Thọ (chết) người đại diện là
bà Nguyễn Thị Lý

Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng

Số định danh cá nhân:

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ ĐD	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								3.275.000	
1	Đất rừng sản xuất	124/247-2022	251,9	1	1	13.000		3.274.700	
II	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYÊN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								16.374.000	
1	Đất rừng sản xuất	251,90	251,90	5		13.000		16.373.500	
III	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	5	6	53,01		360.000	Không	10.800.000	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	
1	Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 09 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m ² mức hỗ trợ 60%, từ 500m ² đến 2.000m ² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m ² mức hỗ trợ 100%	251,90	9	53,01		3.700.000	80%	26.640.000	Mức lương tối thiểu theo ND 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
V	THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền						164.000	Ghi chú
1	Đối với thửa đất không có nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất	Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15						163.750	
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)								57.253.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, TĐC Ở TRÊN



BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

3/ Hộ ông Phan Thanh Cu
Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng
Số định danh cá nhân:

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ BĐ	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								2.493.000	
1	Đất rừng sản xuất	10/247-2022	191,8	1	1	13.000		2.493.400	
II	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								12.467.000	
1	Đất rừng sản xuất	191,80	191,80	5		13.000		12.467.000	
III	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi < 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	7	4	18,52		390.000	Không	10.920.000	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	
1	Thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 06 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m ² mức hỗ trợ 60%, từ 500m ² đến 2.000m ² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m ² mức hỗ trợ 100%	191,80	6	18,52		3.700.000	60%	13.320.000	Mức lương tối thiểu theo ND 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
V	THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền						125.000	Ghi chú
1	Đối với thửa đất không có nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất	Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15						124.650	
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)								39.325.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, TĐC Ở TRÊN



BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, ĐBC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

4/ Hộ bà Lê Thị Liễu

Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng

Số định danh cá nhân:

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ BĐ	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								2.969.000	
1	Đất rừng sản xuất	42/247-2022	228,4	1	1	13.000		2.969.200	
II	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								14.846.000	
1	Đất rừng sản xuất	228,40	228,40	5		13.000		14.846.000	
III	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi > 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	2	12	96,63		360.000	Không	8.640.000	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	
1	Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 12 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m ² mức hỗ trợ 60%, từ 500m ² đến 2.000m ² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m ² mức hỗ trợ 100%	228,40	12	96,63		3.700.000	60%	26.640.000	Mức lương tối thiểu theo ND 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
V	THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền						148.000	Ghi chú
1	Đối với thửa đất không có nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất	Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15						148.450	
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)								53.243.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, ĐBC Ở TRÊN



BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kính theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

5/ Hộ ông Nguyễn Văn Hùng

Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng

Số định danh cá nhân:

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ ĐD	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								15.607.000	
1	Đất rừng sản xuất	162/247-2022	1.200,5	1	1	13.000		15.606.500	
II	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								78.033.000	
1	Đất rừng sản xuất	1.200,50	1.200,50	5		13.000		78.032.500	
III	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi < 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	4	4	28,52		360.000	Không	5.760.000	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	
1	Thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 06 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m ² mức hỗ trợ 60%, từ 500m ² đến 2.000m ² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m ² mức hỗ trợ 100%	1.200,5	6	28,52		3.700.000	60%	13.320.000	Mức lương tối thiểu theo NĐ 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
V	THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền						780.000	Ghi chú
1	Đối với thửa đất không có nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất	Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15						780.350	
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)								113.500.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, TĐC Ở TRÊN



BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

6/ Hộ ông Trần Nuôi (chết) người đại diện là bà Trần Thị Lâm Phương
Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng
Số định danh cá nhân:

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ BĐ	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								1.747.000	
1	Đất rừng sản xuất	189/247-2022	134,4	1	1	13.000		1.747.200	
II	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								8.736.000	
1	Đất rừng sản xuất	134,40	134,40	5		13.000		8.736.000	
III	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	1	6	47,29		360.000	Không	2.160.000	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	
1	Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 09 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m² mức hỗ trợ 60%, từ 500m² đến 2.000m² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m² mức hỗ trợ 100%	134,4	9	47,29		3.700.000	60%	19.980.000	Mức lương tối thiểu theo ND 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
V	THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền						87.000	Ghi chú
		Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15						87.350	
1	Đối với thửa đất không có nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất								
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)								32.710.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, TĐC Ở TRÊN



BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

7/ Hộ ông Phan Bổng (chức vụ) đại diện là bà Hồ Thị Chín
Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng
Số định danh cá nhân:

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ BĐ	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								4.815.000	
1	Đất rừng sản xuất	117/247-2022	370,4	1	1	13.000		4.815.200	
II	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYÊN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								24.076.000	
1	Đất rừng sản xuất	370,40	370,40	5		13.000		24.076.000	
III	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	3	6	48,03		360.000	Không	6.480.000	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	
1	Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 09 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m ² mức hỗ trợ 60%, từ 500m ² đến 2.000m ² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m ² mức hỗ trợ 100%	370,4	9	48,03		3.700.000	60%	19.980.000	Mức lương tối thiểu theo ND 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
V	THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền						241.000	Ghi chú
		Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15						240.750	
1	Đối với thửa đất không có nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất								
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)								55.592.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, TĐC Ở TRÊN



BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kèm theo Phụ lục số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

8/ Hộ ông Lê Mạnh Thọ

Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng

Số định danh cá nhân: ★

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ ĐD	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								36.553.000	
1	Đất rừng sản xuất	138/247-2022	2.811,8	1	1	13.000		36.553.400	
II	CÂY TRỒNG	Số lượng theo thực tế	Số lượng cây được bồi thường	Đơn vị tính (m2, cây, con, kg...)		Đơn giá (đ/m2, cây, con, kg...)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								65.189.000	
1	Thửa 138/247-2022							65.189.000	
1	Thơm trồng đơn lẻ đến tuổi ra hoa, kết quả	2.000	2.000	cây		6.200		12.400.000	
2	Bơ có quả, đk từ 10cm - < 15cm	8	8	cây		455.600		3.644.800	
3	Cam có quả, đk từ 5cm - < 10cm	16	16	cây		1.138.900		18.222.400	
4	Bí có quả	10	10	cây		33.100		331.000	
5	Cây thiên tuế, có đk thân từ ≥ 10cm - < 15cm	7	7	cây		269.200		1.884.400	
6	Cây vạn tuế có đk thân từ ≥ 10cm - < 15cm	5	5	cây		269.200		1.346.000	
7	Sơ ri đã có quả	2	2	cây		465.900		931.800	
8	Keo đk từ 15cm - < 30cm	5	5	cây		47.600		238.000	
9	Cau vua có đk < 20cm	2	2	cây		258.900		517.800	
10	Lựu chưa quả, đk > 5cm	1	1	cây		207.100		207.100	
11	Bời lời có đk ≥ 4cm - < 8cm	10	10	cây		100.000		1.000.000	
12	Ôi có quả	20	20	cây		465.900		9.318.000	
13	Dâu tằm thu hoạch tốt	42	42	m2		7.200		302.400	7 cây
14	Ngâu có bông, đk tán < 1m	2	2	cây		71.400		142.800	
15	Đinh lăng trong thời kỳ thu hoạch	4	4	cây		46.600		186.400	
16	Keo có đk từ 1cm - < 5cm	150	150	cây		20.700		3.105.000	
17	Chuối chưa có quả, chiều cao thân ≥ 1,5m	23	23	cây		72.500		1.667.500	
18	Chè trồng xen vườn nhà thu hoạch tốt	20	20	cây		150.000		3.000.000	
19	Cau vua có đk < 20cm	7	7	cây		258.900		1.812.300	
20	Ngò gai	20	20	m2		36.200		724.000	
21	Nghệ	5	5	m2		20.700		103.500	
22	Sả	150	150	bụi		10.400		1.560.000	
23	Dừa leo đã có quả	14	14	gốc		33.100		463.400	
24	Cây thiên môn	200	200	m2		10.400		2.080.000	
III	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYÊN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								182.767.000	
1	Đất rừng sản xuất	2.811,80	2.811,80	5		13.000		182.767.000	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	6	6	35,04		360.000	Không	12.960.000	
V	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	
1	Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 09 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m ² mức hỗ trợ 60%, từ 500m ² đến 2.000m ² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m ² mức hỗ trợ 100%	2.811,8	9	35,04		3.700.000	100%	33.300.000	Mức lương tối thiểu theo ND 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025



BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

VI	THƯỜNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN CÔNG	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền	1.828.000	Ghi chú
1	Đối với thửa đất không có nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất	Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15	1.827.650	
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)			332.597.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, TĐC Ở TRÊN

BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

9/ Hộ ông Lê Văn Chương
Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng
Số định danh cá nhân:

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ ĐD	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								2.811.000	
1	Đất rừng sản xuất	151/247-2022	216,2	1	1	13.000		2.810.600	
II	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								14.053.000	
1	Đất rừng sản xuất	216,20	216,20	5		13.000		14.053.000	
III	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	5	6	44,63		360.000	Không	10.800.000	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	
1	Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 09 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m² mức hỗ trợ 60%, từ 500m² đến 2.000m² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m² mức hỗ trợ 100%	216,2	9	44,63		3.700.000	60%	19.980.000	Mức lương tối thiểu theo ND 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
V	THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền						141.000	Ghi chú
		Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15						140.550	
1	Đối với thửa đất không có nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất								
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)								47.785.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, TĐC Ở TRÊN



BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Nam theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

10/ Hộ ông Phan Hữu Hùng

Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng

Số định danh cá nhân:

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ ĐD	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								60.551.000	
1	Đất rừng sản xuất	180/247-2022	4.657,8	1	1	13.000		60.551.400	
II	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYÊN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								302.757.000	
1	Đất rừng sản xuất	4.657,80	4.657,80	5		13.000		302.757.000	
III	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	3	6	62,96		360.000	Không	6.480.000	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	
1	Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 09 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m² mức hỗ trợ 60%, từ 500m² đến 2.000m² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m² mức hỗ trợ 100%	4.657,8	9	62,96		3.700.000	100%	33.300.000	Mức lương tối thiểu theo ND 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
V	THƯỜNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền						3.028.000	Ghi chú
		Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15						3.027.550	
1	Đối với thửa đất không có nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất								
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)								406.116.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, TĐC Ở TRÊN



BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

11/ Hộ ông Nguyễn Văn Long

Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng

Số định danh cá nhân:

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ ĐD	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								9.116.000	
1	Đất rừng sản xuất	198/247-2022	701,2	1	1	13.000		9.115.600	
II	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYÊN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								45.578.000	
1	Đất rừng sản xuất	701,20	701,20	5		13.000		45.578.000	
III	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi < 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	1	4	1,12		360.000	Không	1.440.000	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	
1	Thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 06 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m² mức hỗ trợ 60%, từ 500m² đến 2.000m² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m² mức hỗ trợ 100%	701,2	6	1,12		3.700.000	80%	17.760.000	Mức lương tối thiểu theo ND 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
V	THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền						456.000	Ghi chú
		Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15						455.800	
1	Đối với thửa đất không có nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất								
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)								74.350.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, TĐC Ở TRÊN

BẢNG TÍNH CHI TIẾT DỰ KIẾN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Công trình: Cụm công nghiệp Việt An

Địa điểm: Thôn Việt An, xã Việt An, thành phố Đà Nẵng

Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày / /2026 của Hội đồng BT, HT, TĐC công trình Cụm công nghiệp xã Việt An

12/ Hộ bà Nguyễn Thị Thu
Địa chỉ thường trú: Thôn Việt An, xã Việt An, TP Đà Nẵng
Số định danh cá nhân:

I	ĐẤT ĐAI	Số thửa/Số tờ ĐD	Diện tích (m2)	Vị trí	Hệ số	Đơn giá		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
								26.352.000	
1	Đất rừng sản xuất	145/247-2022	254,9	1	1	13.000		3.313.700	
2	Đất rừng sản xuất	149/247-2022	1.772,2	1	1	13.000		23.038.600	
II	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ, TÌM KIẾM VIỆC LÀM	DT đất thu hồi (m2)	DT đất được hỗ trợ (m2)	Mức hỗ trợ (lần)		Đơn giá (đ/m2)		Thành tiền (đồng)	
								131.762.000	
1	Đất rừng sản xuất	254,90	254,90	5		13.000		16.568.500	
2	Đất rừng sản xuất	1.772,20	1.772,20	5		13.000		115.193.000	
III	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	Số khẩu	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Đơn giá (đ/th/kh)	Tình trạng di chuyển chỗ ở	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bị thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	4	6	35,13		360.000	Không	8.640.000	
IV	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH	Diện tích thu hồi (m2)	Số tháng	Tỉ lệ (%) thu hồi		Mức lương tối thiểu	Mức % hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	
1	Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: hỗ trợ bằng phần trăm (%) 09 tháng lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại pháp luật về lao động và tính theo diện tích thu hồi như sau: thu hồi dưới 500m ² mức hỗ trợ 60%, từ 500m ² đến 2.000m ² mức hỗ trợ 80%, trên 2.000m ² mức hỗ trợ 100%	2.027,1	9	35,13		3.700.000	100%	33.300.000	Mức lương tối thiểu theo ND 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
V	THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Thời hạn bàn giao mặt bằng kể từ ngày nhận được thông báo nhận tiền						1.318.000	Ghi chú
		Trong thời hạn từ ngày 01 đến hết ngày thứ 15						1.317.600	
1	Đối với thửa đất không có nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc phải tháo dỡ, di dời, đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 5,0% giá trị bồi thường về đất nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/thửa đất								
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ (LÀM TRÒN)								201.372.000	

Ý KIẾN CỦA ÔNG/BÀ ĐỐI VỚI NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BT, HT, TĐC Ở TRÊN